

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1496/QĐ-ĐHNH, ngày 13 tháng 5 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Kinh tế quốc tế - Chương trình tiếng Anh bán phần
- Tên chương trình (Tiếng Anh): International Economics
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: Kinh tế Quốc tế
- Mã ngành¹: 7310106
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo thông tin tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng năm 2025**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế quốc tế thuộc ngành Kinh tế quốc tế có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam, có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm đáp ứng cho các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

PO1. Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo.

PO2. Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

PO3. Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.

PO4. Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập.

PO5. Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

**2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)
và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PIn):**

¹ Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo **ngành Kinh tế quốc tế, chương trình Tiếng Anh bán phần** của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng:²

Ký hiệu CDR	PI	PLO/PI	Mức độ đạt được	Ghi chú
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	PI 1.1	Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.	3	
	PI 1.2	Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	
	PI 2.1	Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	4	
	PI 2.2	Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề	4	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
	PI 3.1	Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.	4	
	PI 3.2	Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
	PI 4.1	Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	4	
	PI 4.2	Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	4	
	PI 5.1	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	4	
	PI 5.2	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	4	
	PI 5.3	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	4	

² Mỗi PLO có tối đa 4 nội hàm; mỗi nội hàm được đo bằng một PI.

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu cụ thể												
PO1	Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo.	X					X	X				X
PO2	Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.				X	X						
PO3	Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.		X	X								
PO4	Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập.									X	X	
PO5	Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.						X	X	X			X

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.³

PO	PLO	PI
PO1: Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị	PLO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	PI1.1. Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.
		PI 1.2. Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.

³ Đối sánh để quan sát tính phù hợp với mỗi mục tiêu cụ thể (PO) được thể hiện thông qua CDR CTĐT (PLO) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)

PO	PLO	PI
và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo.	PLO6: Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	PI 6.1. Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
		PI 6.2. Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
	PLO7: Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và liên ngành với các ngành khác.	PI 7.1. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
		PI 7.2. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và liên ngành.
PO2: Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.	PLO11: Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh tế quốc tế	PI 11.1. Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh tế quốc tế
		PI 11.2. Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh tế quốc tế
	PLO4: Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	PI 4.1. Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
		PI 4.2. Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.
PO3: Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.	PLO5: Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề, xác định các giải pháp ứng dụng, thích ứng với các xu hướng thay đổi và xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	PI 5.1. Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
		PI 5.2. Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.
		PI 5.3. Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.
	PLO2: Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	PI 2.1. Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.
		PI 2.2. Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề
	PLO3: Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	PI 3.1. Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.
		PI 3.2. Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.

PO	PLO	PI
PO4: Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập.	PLO9: Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT)	
	PLO10: Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	PI 10.1. Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp. PI 10.2. Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.
PO5: Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	PLO6: Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	PI 6.1. Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. PI 6.2. Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
	PLO7: Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	PI 7.1. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. PI 7.2. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và liên ngành.
	PLO8: Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	PI 8.1. Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. PI 8.2. Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
	PLO11: Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh tế quốc tế	PI 11.1. Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh tế quốc tế PI 11.2. Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh tế quốc tế

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X					X	X				X
Kỹ năng												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.		X	X								X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.		X									
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			X	X							
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Cử nhân Ngành Kinh tế quốc tế - chuyên ngành Kinh tế quốc tế chương trình tiếng Anh bán phần có đủ chuyên môn và kỹ năng cần thiết để làm việc trong mọi thành phần kinh tế, mọi hình thức đơn vị kinh tế xã hội từ doanh nghiệp cho đến các cơ quan nhà nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ. Một số vị trí điển hình là:

- Các vị trí chuyên viên liên quan đến lập dự án và lập kế hoạch về kinh tế quốc tế tại các doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia.
- Các vị trí chuyên viên liên quan đến lập dự án và lập kế hoạch về kinh tế quốc tế tại các bộ, ngành từ trung ương tới địa phương, các ngân hàng, các công ty tài chính, các công ty kinh doanh và kinh doanh trực tuyến.
- Các vị trí kinh doanh liên quan đến thương mại quốc tế cho các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế sản xuất, thương mại - dịch vụ, các doanh nghiệp dịch vụ giao nhận, logistics,...
- Nghiên cứu viên về kinh tế quốc tế tại các viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học có khả năng tự học suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc. Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai tại một số ngành liên quan như Quản trị kinh doanh, Ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh doanh quốc tế; Ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh tế và kinh doanh số,... có thể chuyển đổi với các chương trình đào tạo cử nhân quốc tế tương đương; có thể học tiếp lên chương trình cao học trong nước và quốc tế về Kinh tế quốc tế.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 124 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 124 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (08 tín chỉ). Các học phần trong CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ toàn chương trình đào tạo.

8. Đối tượng tuyển sinh

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

Các đơn vị được lựa chọn bao gồm: Đại học Ngoại thương (FTU) và Đại học Thương mại (TMU) – hai đại diện công lập uy tín với thế mạnh về thương mại và logistics; cùng với Đại học Kinh tế – Tài chính TP.HCM (UEF) – đại diện khối ngoài công lập với mô hình đào tạo linh hoạt.

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

Mở rộng ra phạm vi quốc tế, báo cáo tham chiếu 03 mô hình giáo dục tiên tiến: RMIT (Úc) với định hướng ứng dụng kinh doanh, Đại học Nottingham (Anh Quốc/Malaysia) đại diện cho chuẩn mực giáo dục Anh, và University of Tübingen (Đức) với truyền thống định lượng chặt chẽ của Châu Âu. Việc phân tích sáu chương trình này sẽ cung cấp bức tranh toàn diện về cách thức cân

bằng giữa lý thuyết hàn lâm, kỹ năng thực hành và năng lực ngoại ngữ trong đào tạo Kinh tế quốc tế.

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập ⁴

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, các phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

- *Phương pháp Thuyết giảng (Lecture)*: Giảng viên trình bày tài liệu và giải đáp các thắc mắc của học viên.
- *Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture)*: Thuyết giảng trong đó có quãng thời gian nghỉ khoảng từ hai đến mười lăm phút để cho sinh viên thực hiện các hoạt động học tập (chẳng hạn như: trả lời các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, giải quyết vấn đề, bài tập so khớp và điền vào chỗ trống trong tập ghi chú bài giảng, vấn đáp về một trường hợp điển hình nhỏ, bài tập chia sẻ suy nghĩ theo cặp hoặc thảo luận nhóm nhỏ) cứ sau 12 đến 20 phút.
- *Phương pháp Thảo luận có định hướng (Directed discussion)*: Thảo luận trong lớp theo một bộ câu hỏi ít nhiều có tính trật tự mà giảng viên đặt ra để dẫn dắt học sinh đến những nhận thức hoặc kết luận nhất định hoặc để giúp họ đạt được một kết quả học tập cụ thể.
- *Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày) (Writing and speaking exercises)*: các bài tập, hoạt động học tập (thường thực hiện trong lớp và không chấm điểm), nhằm giúp người học khai thác học liệu, nắm vững kiến thức và chuẩn bị tốt cho bài tập có đánh giá điểm.
- *Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm (Group work/learning)*: người học thực hiện hoạt động học tập hoặc tạo ra một sản phẩm theo nhóm nhỏ từ hai đến sáu người trong hoặc ngoài lớp học, dưới sự hướng dẫn cẩn thận của giảng viên.
- *Giảng dạy bằng tình huống điển hình (Case method)*: Người học áp dụng kiến thức của học phần để đề ra giải pháp hoặc cách thức giải quyết các vấn đề, tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế; tổ chức học tập bằng hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ hoặc cả lớp.
- *Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning)*: Các nhóm người học tiến hành nghiên cứu bên ngoài lớp học về các vấn đề chưa biết, do người học phát hiện nhằm xác định giải pháp hoặc cách giải quyết cho các vấn đề mơ hồ hoặc tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế.
- *Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án (Project-based learning)*: người học (với tư cách cá nhân hoặc theo nhóm) áp dụng kiến thức khóa học để tạo ra một kết quả học tập, ví dụ: một báo cáo (viết hoặc nói), bản thiết kế quy trình hoặc sản phẩm, đề cương nghiên cứu hoặc mã máy tính; thường kết hợp với học tập hợp tác.
- *Giảng dạy vừa đúng lúc (Just-in-time teaching)*: là phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học. Đầu tiên, người học hoàn thành các bài tập được giao (có thể bao gồm cả việc nghiên cứu các học liệu chưa được giảng trên lớp) và nộp bài thông qua phần mềm quản lý lớp học hoặc điền vào mẫu trên Web, gửi email, tin nhắn trên Facebook... đến giảng viên theo thời gian định trước (thường khoảng một vài giờ trước khi lên lớp). Sau khi người học nộp bài, giảng viên sẽ kiểm tra phản hồi của người học nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu

⁴ Mô tả các phương pháp giảng dạy tham khảo theo tài liệu hướng dẫn

kém, những nhận thức sai lầm của người học cũng như những kiến thức mà người học có thể tự học; giảng viên sử dụng các câu trả lời đó để tổ chức buổi học sắp tới.

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (X: có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phương pháp Thuyết giảng	X										X
2	Phương pháp Bài giảng tương tác	X										X
3	Phương pháp Thảo luận có định hướng		X			X	X			X		X
4	Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày)	X					X	X		X	X	
5	Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm			X			X					X
6	Giảng dạy bằng tình huống điển hình		X				X	X	X			X
7	Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề		X		X		X	X	X		X	X
8	Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án					X	X	X		X	X	X
9	Giảng dạy vừa đúng lúc		X	X					X			

11.2. Đánh giá kết quả học tập: Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	10	1		22	2		19.4
2	Giáo dục chuyên nghiệp	26	6		82	18		80.6
2.1	Cơ sở ngành	14	2		40	6		37.1
2.2	Ngành	6	0		18	0		14.5
2.3	Chuyên ngành	6	4		24	12		29.0
	Tổng	36	7		104	20		100

TT	Khối kiến thức giáo dục đại cương khác	Số tín chỉ/ Số tiết
1	Giáo dục thể chất	5 tín chỉ
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	165 tiết

TT	Tiếng anh tăng cường và các môn về kỹ năng mềm	Số tín chỉ
1	Tiếng anh tăng cường	36
2	Kỹ năng mềm	8
	Tổng	13

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
Khối kiến thức giáo dục đại cương								
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3	3	0	0	1	
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	2	0	0	1	MLM306
3	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2	2	0	0	3	MLM306
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	2	2	0	0	2	MLM306
5	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	2	2	0	0	3	MLM306
6	MAE701	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>	2	2	0	0	2	
7	MAE702	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>	2	2	0	0	3	
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3	3	0	0	2	
9	LAW798	Pháp luật và thể chế/ <i>Laws and Institution</i>	2	2	0	0	1	
10	FIN730	Phát triển bền vững và Tài chính xanh/ <i>Sustainable development and Green finance</i>	2	2	0	0	3	
		Học phần tự chọn (sinh viên chọn 1 trong 2 học phần)						
11a	SOC301	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	2	2	0	0	2	
11b	SOC303	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2	2	0	0	2	
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
Khối kiến thức cơ sở ngành								
		Học phần bắt buộc						
12	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	3	0	0	1	
13	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	3	0	0	2	
14	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>	2	2	0	0	3	
15	ACC301	Nguyên lý kế toán / <i>Principles of Accounting</i>	3	3	0	0	1	
16	LAW304	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3	3	0	0	5	LAW798
17	MAG322	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	3	3	0	0	2	

[illegible]

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
38-41a	INE728	Economics of Innovations/ <i>Kinh tế học đổi mới</i>	3	3	0	0	7	MES303
38-41b	INE719	International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>	3	3	0	0	7	INE716
38-41c	INE717	International Logistics/ <i>Logistics quốc tế</i>	3	3	0	0	7	
38-41d	INE720	International Cargo Transportaion and Insurance / <i>Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương</i>	3	3	0	0	7	INE719
38-41e	INE727	Customs procedures/ <i>Thủ tục hải quan</i>						
Thực tập và khóa luận								
42	INT715	Internship on International Economics/ <i>Học phần thực tập cuối khóa</i>	3	0	0	3	8	Theo Quy chế đào tạo
43	REP715	Dissertation in International Economics/ <i>Học phần khóa luận tốt nghiệp</i>	9	0	0	9	8	Theo Quy chế đào tạo
Tổng số tín của chương trình đào tạo			124					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			104					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20					

Ghi chú: học phần cốt lõi có mã học phần đậm màu

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần trước		Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3		BB	Tiếng Việt
1	2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
1	3	LAW798	Pháp luật và thể chế/ Laws and Institution	2		BB	Tiếng Việt
1	4	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3		BB	Tiếng Việt
1	5	ACC301	Nguyên lý kế toán / <i>Principles of Accounting</i>	3		BB	Tiếng Việt
		DAS301	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8		BB	Tiếng Việt
		GYM301	Giáo dục thể chất 1	1		BB	Tiếng Việt
		INE345	Anh văn tăng cường 1	4		TCG	Tiếng Việt
		SKL309	Kỹ năng 1	2		TCG	Tiếng Việt
			Số tín chỉ trong học kỳ	13			
2	1	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
2	2	MAE701	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>	2		BB	Tiếng Việt
2	3	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3	AMA301	BB	Tiếng Việt
2	4a	SOC301	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	2		TC	Tiếng Việt

2	4b	SOC303	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2		TC	Tiếng Việt
	5	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3		BB	Tiếng Việt
	6	MAG322	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	3		BB	Tiếng Việt
2		SYM302	Giáo dục thể chất 2	1		BB	Tiếng Việt
2		SKL310	Kỹ năng 2	2			Tiếng Việt
2		INE346	Anh văn tăng cường 2	4			Tiếng Việt
2		INE347	Anh văn tăng cường 3	4			Tiếng Việt
			Số tín chỉ trong học kỳ	15			

3	1	FIN730	Phát triển bền vững và Tài chính xanh/ <i>Sustainable development and Green finance</i>	2		BB	Tiếng Việt
3	2	MAE702	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>	2		BB	Tiếng Việt
3	3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
3	3	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
3	5	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh / <i>Applied Logic in Business</i>	2		BB	Tiếng Việt
3	6	BAF706	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>	3		BB	Tiếng Việt
3	7	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	3		BB	Tiếng Việt
3		SYM303	Giáo dục thể chất 3	1		BB	Tiếng Việt
3		INE348	Anh văn tăng cường 4	4			Tiếng Việt
3		SKL311	Kỹ năng 3	2			Tiếng Việt
			Số tín chỉ trong học kỳ	16			

4	1	INB718	Lịch sử kinh doanh/ <i>Business history</i>	2		BB	Tiếng Việt
4	2	DIM706	Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>	3		BB	Tiếng Việt
4	3	ECE301	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3		BB	Tiếng Việt
4	4	ITS772	Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>	3		BB	Tiếng Việt
			<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>				
4	5,6a	INE302	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3		TC	Tiếng Việt
4	5,6b	MES301	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Thought</i>	3	MES303	TC	Tiếng Việt
4	5,6c	MES306	Kinh tế học công cộng/ <i>Public Economics</i>	3	MES303	TC	Tiếng Việt
		SYM304	Giáo dục thể chất 4	1		BB	Tiếng Việt
		INE349	Anh văn tăng cường 5	4		TCG	Tiếng Việt
		INE350	Anh văn tăng cường 6	4		TCG	Tiếng Việt
			Số tín chỉ trong học kỳ	17			

5	1	LAW304	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3	LAW798	BB	Tiếng Việt
5	2	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	ACC301	BB	Tiếng Việt
5	3	ENP754	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế quốc tế / <i>English for International Economics</i>	3		BB	Tiếng Việt
5	4	INE710	Applied Econometrics (for International Economics)/ <i>Kinh tế lượng ứng dụng (dành cho ngành KTQT)</i>	3		BB	Tiếng Anh
5	5	INE716	International business/ <i>Kinh doanh quốc tế</i>	3		BB	Tiếng Anh

5		SYM305	Giáo dục thể chất 5	1		BB	Tiếng Việt
5		INE351	Anh văn tăng cường 7	4			Tiếng Việt
5		SKL312	Kỹ năng 4	2			Tiếng Việt
			Số tín chỉ trong học kỳ	15			

6	1	INE708	International Finance/ Tài chính quốc tế	3		BB	Tiếng Anh
6	2	INE730	Intermediate Microeconomics/ Kinh tế vi mô 2	3	MES302, MES303	BB	Tiếng Anh
6	3	INE729	Intermediate Macroeconomics/ Kinh tế vĩ mô 2	3	MES302, MES303	BB	Tiếng Anh
6	4	BAF754	International Payment/ Thanh toán quốc tế	3		BB	Tiếng Anh
6	5	INE722	Managerial Economics/ Kinh tế học quản lý	3		BB	Tiếng Anh
6			Giáo dục thể chất 6	1			
			Số tín chỉ trong học kỳ	15			

7	1	INE721	Investment Economics/ Kinh tế học đầu tư	3		BB	Tiếng Anh
7	2	INE726	Trade Policy in Practice/Chính sách thương mại quốc tế	3		BB	Tiếng Anh
			Chọn 4 trong 5 học phần				
7	3-6a	INE728	Economics of Innovations/ Kinh tế học đổi mới	3		TC	Tiếng Anh
7	3-6b	INE719	International trade transactions/ Giao dịch thương mại quốc tế	3		TC	Tiếng Anh
7	3-6c	INE717	International Logistics/ Logistics quốc tế	3		TC	Tiếng Anh
7	3-6d	INE720	Transportation and Cargo Insurance / Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	3		TC	Tiếng Anh
7	3-6e	INE727	Customs procedures/Thủ tục hải quan	3		TC	Tiếng Anh
			Giáo dục thể chất 7	1			
			Số tín chỉ trong học kỳ	18			

8	1	INE715	International Business Strategy/ Chiến lược kinh doanh quốc tế	3		BB	Tiếng Anh
8	2	INT715	Internship on International Economics/Học phần thực tập cuối khóa	3	(1)	BB	Tiếng Anh
8	3	REP715	Dissertation in International Economics/Học phần khóa luận tốt nghiệp	9	(2)	BB	Tiếng Anh
			Số tín chỉ trong học kỳ	15			

Ghi chú: TC: tự chọn, BB: bắt buộc, TCG: tăng cường, (1): Các môn chuyên ngành Kinh tế quốc tế, số tín chỉ chưa đạt thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành trong chương trình đào tạo không được vượt quá 6 tín chỉ. Sinh viên có kỹ năng, phẩm chất của cá nhân và trong nghề nghiệp để ứng dụng tại cơ quan/ đơn vị thực tập; (2): Các môn chuyên ngành Kinh tế quốc tế, Các học phần về Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế lượng ứng dụng Thỏa các điều kiện để được thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo, bao gồm: i) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo, không còn học phần có điểm học phần dưới 5,0 (trừ học phần thực tập tốt nghiệp); ii) Điểm trung bình chung học tập các học phần thuộc kiến thức ngành/chuyên ngành đạt từ 7,0 trở lên; iii) Điểm của các học phần có nội dung liên quan đến khóa luận phải đạt 7,0 điểm trở lên. Các trường hợp sinh viên ở mức xấp xỉ (từ 6,5 đến dưới 7,0) có nguyện vọng làm khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu sau: i) Có thành tích nghiên cứu khoa học được ghi nhận trong quá trình học tập; ii) Có đề cương được Trường Khoa

chấp thuận; iii) Giấy đề nghị viết khóa luận tốt nghiệp có xác nhận của Khoa trình Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo).

15 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Thứ tự	Học phần thứ		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1	1	BB	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	2		2	2						
2	1	BB	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/Political Economics of Marxism and Leninism	2		2	2						
3	1	BB	Pháp luật và thể chế / Law and Institution	3		2	2						
4	1	BB	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics	3	3		2						
5	1	BB	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	3		2		3					
6	2	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/History of Vietnamese communist party	2			2	2					
7	2	BB	Toán kinh tế 1/ Mathematic for Economics 1	3			3	3					
8	2	BB	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ Probability and Statistics	3					3				
9a	2	4a	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Fundamentals of Vietnamese Culture	2			2	2					
9b	2	4b	Tâm lý học/ Psychology	2	2								
10	2	5	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	3	3		2						
11	2	6	Quản trị học/Fundamentals of Management	2			3	3					
12	3	1	Phát triển bền vững và Tài chính xanh / Sustainable development and Green finance	2		2							
13	3	2	Toán kinh tế 2/ Mathematic for Economics 2	3			3	3					
14	3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học/Scientific socialism	2			2	2					
15	3	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ideologies of Ho Chi Minh	2			2	2					
16	3	5	Logic ứng dụng trong kinh doanh/Applied Logic in Business	2	3				3				
17	3	6	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/Money, Banking and Fintech			2			3	4			
18	3	7	Phương pháp nghiên cứu khoa học/Scientific Research Methodology	3	4		4						
19	4	1	Lịch sử kinh doanh/ Business history					2	3	4			
20	4	2	Marketing số/Digital Marketing						2	3			3
21	4	3	Kinh tế lượng/Econometrics	3		3		3					
22	4	4	Phát triển năng lực số/Digital Capabilities Development						3			4	
23,24a	4	5,6a	Kinh tế học quốc tế/ International Economics	3		4	4						
23,24b	4	5,6b	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ History of Economic Thought	3	4		4						
23,24c	4	5,6c	Kinh tế học công cộng/ Public Economics	3	4			4					
25	5	1	Luật kinh doanh/Business Law	2			3	3					
26	5	2	Tài chính doanh nghiệp/ Corporate Finance		2			3					
27	5	3	Tiếng Anh chuyên ngành KTQT/ English for International Economics		3	3					3		
28	5	4	Applied Econometrics (for International Economics)/ Kinh tế lượng ứng dụng (dành cho ngành KTQT)		3			3	3				
29	5	5	International Business/ Kinh doanh quốc tế					4	4	4			
30	6	1	International Finance/ Tài chính quốc tế					4	4	4			

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
1	MLM306	Triết học Mác – Lênin/ <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	Triết học Mác – Lênin là học phần cơ bản, cung cấp kiến thức chung nền tảng bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Học phần giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Học phần góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.
3	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
5	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành cách mạng bao gồm: sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
6	MAE701	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>	Học phần trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector R^n , phép biến đổi tuyến tính; chéo hóa ma trận và dạng toàn phương. Học xong học phần này, sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý.
7	MAE702	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>	Học phần trang bị các kiến thức toán về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện của hàm số nhiều biến số một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2. Học xong học phần này sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế, xác định điểm tối ưu và giá trị tối ưu của hàm mục tiêu...

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	Lý thuyết xác suất và thống kê toán thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần trang bị cho sinh viên nền tảng căn bản và các công cụ xác suất thống kê để tiếp cận với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Giúp sinh viên bước đầu vận dụng kiến thức học phần trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị và hệ thống thông tin quản lý.
9	LAW798	Pháp luật và thể chế/ <i>Law and Institution</i>	Pháp luật và thể chế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho người học các vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật và thể chế. Sau khi học xong học phần, người học có được các kiến thức cơ bản về thể chế từ khái niệm, các yếu tố cấu thành của thể chế. Trên cơ sở kiến thức về thể chế, người học vận dụng vào việc luận giải thể chế pháp luật liên quan đến: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; chủ thể ban hành pháp luật; cơ chế điều chỉnh pháp luật trong mối quan hệ với ghi nhận và bảo đảm thực thi quyền con người. Từ kiến thức được trang bị, người học chủ động lựa chọn cách thức xử sự phù hợp với quy định pháp luật và trách nhiệm với cộng đồng; có ý thức tuân thủ pháp luật và tinh thần kiến tạo, bảo vệ công lý.
10	FIN730	Phát triển bền vững và Tài chính xanh/ <i>Sustainable development and Green finance</i>	Học phần Phát triển bền vững và Tài chính xanh cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về phát triển bền vững và tài chính xanh; mối liên hệ, vai trò của hệ thống tài chính đối với giữa các mục tiêu phát triển bền vững. Nội dung học phần tập trung làm rõ các vấn đề cơ bản về biến đổi khí hậu và các vấn đề toàn cầu, phát triển bền vững và mối liên hệ giữa tài chính với phát triển bền vững; các chính sách quốc tế và mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc; các chính sách, chiến lược, chương trình hành động của Việt Nam liên quan đến phát triển bền vững. Học phần trang bị cho người học hiểu biết về các hệ thống, phương pháp đo lường, giám sát các mục tiêu phát triển bền vững; cũng như đo lường và báo cáo tác động, mức độ phù hợp và dòng vốn của tài chính xanh. Người học cũng sẽ được trang bị kiến thức về sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ tài chính xanh tiêu như: ngân hàng xanh, trái phiếu xanh, đầu tư có trách nhiệm và đầu tư bền vững; vai trò của nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân, khu vực tài chính trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và bền vững. Qua đó, người học hình thành nhận thức về trách nhiệm đối với phát triển bền vững, có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp tài chính góp phần thúc đẩy phát triển bền vững trong thực tiễn
11a	SOC301	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần đại cương về văn hóa Việt Nam. Học phần có ý nghĩa thiết thực, giúp sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao lòng yêu nước, tự hào về truyền thống dân tộc; biết tự định hướng trong thế giới thông tin đa dạng, đa chiều hiện nay, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại trên nền tảng bảo tồn và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và con người Việt Nam một cách chủ động, tích cực. Bên cạnh đó, học phần này còn giúp sinh viên sử dụng những kiến thức về văn hóa áp dụng vào trong giao tiếp ứng xử trong cuộc sống và ngành nghề trong tương lai.
11b	SOC303	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	Tâm lý học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
			triển tâm lý - ý thức; phân tích các thành phần trong hoạt động nhận thức của con người, nghiên cứu các yếu tố trong đời sống tình cảm, ý chí và cá tính tạo nên nhân cách cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.
12	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	Kinh tế học vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và chủ doanh nghiệp
13	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	Kinh tế học vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, học phần gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.
14	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở toán học trong khoa học máy tính và mật mã. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng suy luận, cũng như kỹ năng truyền đạt. Đồng thời, sinh viên áp dụng kiến thức đã học trong các học phần trong chương trình đào tạo.
15	ACC301	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	Nguyên lý kế toán là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán bao gồm: khái niệm, đối tượng, vai trò, các nguyên tắc và hệ thống các phương pháp của kế toán. Đồng thời vận dụng các kiến thức đó để thực hiện quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
16	LAW304	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	Học phần gồm 5 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh doanh quyền tự do kinh doanh; Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Ngoài ra, học phần Luật kinh doanh còn giúp sinh viên có khả năng nhận diện được các quy định của pháp luật để áp dụng cho việc tra cứu và sử dụng giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Đây là học phần cơ sở, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế của Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh.

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
17	MAG322	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	Học phần được xây dựng tạo nền tảng về công việc quản trị trong tổ chức. Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Nội dung tập trung giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề học phần bao gồm một số cách tiếp cận đến các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại. Kết quả học tập cho khóa học này, khi hoàn thành thành công, bao gồm khả năng: 1) hiểu các khái niệm và lý thuyết cơ bản trong quản lý hiện đại, 2) hiểu vai trò ra quyết định, tổ chức, cách quản trị và lãnh đạo, 3) hiểu được vai trò của quá trình truyền thông trong quản trị, 4) Hiểu được tác động của môi trường vào công việc quản trị, và 5) hiểu được những thách thức trong việc tiến hành quản trị kinh doanh trong cộng đồng toàn cầu.
18	DIM706	Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>	Marketing số (digital marketing) là xu hướng tất yếu của marketing hiện đại. Học phần là phần tiếp nối của nguyên lý marketing áp dụng trong ngành marketing và đề cập trực tiếp các phương pháp, công cụ, hướng tiếp cận của marketing số. Qua đó giúp người học có được hướng tiếp cận và cách xử lý vấn đề phù hợp với tình hình phát triển mới của khoa học công nghệ trong công tác cung cấp dịch vụ tới khách hàng cả B2B và B2C.
19	ECE301	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	Kinh tế lượng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp ước lượng OLS, suy diễn thống kê và dự báo, cách kiểm định và lựa chọn mô hình. Học phần này là tiền đề cho môn Kinh tế lượng nâng cao.
20	ITS772	Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>	Học phần trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên các khối ngành của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có được năng lực số cần thiết để sống, học tập, làm việc và tham gia giao tiếp xã hội một cách chủ động, tích cực và an toàn trong môi trường số. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về năng lực khai thác dữ liệu trong môi trường số, bảo mật trong môi trường số cũng như kỹ năng sử dụng được các nền tảng, phần mềm và thiết bị số trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.
21	BAF736	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về tiền tệ, ngân hàng như: tổng quan về tiền tệ, sự phát triển của hệ thống thanh toán, thị trường tài chính và các công cụ trên thị trường tài chính, ngân hàng thương mại và hoạt động của NHTM, ngân hàng trung ương và các chính sách tiền tệ. Sau đó giới thiệu các kiến thức cơ bản về công nghệ tài chính như: Tổng quan về công nghệ tài chính, tác động của FINTECH đến ngân hàng truyền thống, hệ sinh thái FINTECH, công nghệ thúc đẩy FINTECH. Nội dung của học phần là những kiến thức cần thiết, quan trọng, và làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính-ngân hàng, công nghệ tài chính.
22	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/	Tài chính doanh nghiệp là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý tài chính doanh nghiệp; sinh viên sẽ được tiếp cận các nguyên lý và ứng dụng các mô hình tài chính để xử lý các bài tập cũng như nghiên

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
		<i>Corporate Finance</i>	cứu tình huống liên quan đến các quyết định tài chính chủ yếu trong doanh nghiệp, bao gồm quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định quản trị tài sản. Nội dung của học phần sẽ lần lượt đề cập đến các chủ đề như tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị của tiền theo thời gian, lợi nhuận và rủi ro, chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy và các lý thuyết về cơ cấu vốn. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn sử dụng các phương tiện hỗ trợ xử lý số liệu như máy tính (calculator) và phần mềm excel.
23	INB718	Lịch sử kinh doanh/ <i>Business history</i>	Lịch sử kinh doanh trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học nhận thức đầy đủ về lịch sử kinh doanh, hoạt động kinh doanh đã hình thành và được định hình như thế nào bởi các thể lực xã hội và chính trị khác nhau, nâng cao khả năng đọc và tư duy phản biện, phát triển kỹ năng phân tích, học cách tổ chức và trình bày những suy nghĩ và nghiên cứu của họ dưới dạng các bài tiểu luận học thuật. Học phần sẽ khám phá sự tương tác giữa tư nhân giới kinh doanh và thể giới chính trị đại chúng trong mối quan hệ phụ lẫn nhau để xác định xã hội phương Tây hiện đại. Học phần cũng phân tích sự hình thành các loại hình doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay
24	ENP754	Tiếng Anh chuyên ngành KTQT/ <i>English for International Economics</i>	This is a compulsory course the group of Specialized English, consisting of 4 chapters. The course is designed to provide students with English terminology used in the field of international economics. Students have the opportunity to access knowledge and readings extracted from materials related to economics, business, and management, allowing them to practice the four language skills and apply specialized knowledge and vocabulary through various activities such as group discussions, dialogues, and presentations.
25	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, học phần sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.
26,27a	INE302	Kinh tế học quốc tế/ <i>International economics</i>	Kinh tế học quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: - Hiểu biết về các khái niệm kinh tế học quốc tế, các lý thuyết và mô hình kinh tế quốc tế. - Hiểu biết về các chính sách và các công cụ nhằm thực thi chính sách của chính phủ trong việc điều hành hoạt động kinh tế quốc tế. - Hiểu biết về các chính sách và các công cụ nhằm thực thi chính sách của chính phủ trong việc o đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Học phần cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái.

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
26,27b	MES301	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Thought</i>	Lịch sử các học thuyết kinh tế là một trong những học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành. Mục đích của học phần nhằm hướng tới việc cung cấp khái quát quá trình hình thành và phát triển các học thuyết kinh tế trên thế giới; hiểu nội dung của các học thuyết kinh tế cũng như biết được sự kế thừa và phát triển của các học thuyết hiện đại từ các học thuyết trước theo từng giai đoạn phát triển lịch sử xã hội. Với mục đích này, học phần tìm hiểu về quá trình hình thành, phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau của các học thuyết kinh tế qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội.
26,27c	MES306	Kinh tế học công cộng/ <i>Public Economics</i>	Học phần nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết các khái niệm về tăng trưởng, (ii) hiểu biết về vai trò của khu vực công và tác động của chính sách công trong nền kinh tế hỗn hợp, cụ thể là sửa chữa những thất bại của thị trường và thực thi các chính sách an sinh xã hội. Học phần gồm 6 chương: Kinh tế công cộng trong nền kinh tế hỗn hợp; Kinh tế học phúc lợi: hiệu quả và công bằng; Hàng hóa công và hàng hóa tư do khu vực công cung cấp; Ngoại tác; Phạm vi ảnh hưởng của thuế: ai thực sự nộp thuế; Các chương trình chi tiêu công.
28	INE716	International Business/ <i>Kinh doanh quốc tế</i>	International Business provides students with essential knowledge and skills for comprehending the dynamics of the international business environment. This course lays a foundation for analyzing and strategizing effectively in today's dynamic international economy. The first section of the course indicates the nature and characteristics of the business environment at both national and international scales, encompassing economic, political, legal, cultural, commercial, and investment aspects, along with currency considerations. The latter section of the course focuses on the frameworks for analyzing and determining international business strategies, including approaches for entering foreign markets.
29	INE708	International Finance/ <i>Tài chính quốc tế</i>	This course is designed to provide students with the foundational knowledge and basic research skills in the field of international finance with an approach to economic analysis and application in today's business activities. The course includes 3 main parts. Part I covers the theoretical foundations of international finance. This section will clarify and emphasize the connection and interaction between markets and economies through the theories of international parity relationships between prices, interest rate and exchange rates. Factors affecting exchange rates and exchange rate forecasting methods are also clarified in part I. Part II surveys the landscape and structure of the global monetary and financial environment. In this section, the international monetary system and global financial institutions, as well as the system of global financial currency markets will be analysed. This section also addressed the international capital flows and control of these flows by governments. Part III focuses on international financial practices in global business, in which the financial activities of international businesses and exchange rate risk management are resolved. In addition, students discuss and handle applied analytical situations related to international financial relations and exchange rate risks in international trade and investment activities.

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
30	INE728	Economics of Innovations/ <i>Kinh tế học đổi mới</i>	The "Economics of Innovations" course introduces basic theories and concepts based on modern economics of science, technology, and innovation. Additionally, it helps students analyze the mutual impact between economic transformation and economic growth. Different perspectives on innovation are discussed, including the formation of core concepts and the origins of micro and macroeconomic aspects of innovation.
31	BAF754	International Payment/ <i>Thanh toán quốc tế</i>	The course includes the following topics: an overview of international payment activity; related international trade knowledge to serve international payment activities such as Incoterms, international trade contracts, financial documents, and commercial documents; in-depth knowledge of international payment methods including remittance, documentary collection, and letter of credit.
32	INE712	Global Marketing/ <i>Marketing toàn cầu</i>	Global marketing explores the complexities and strategies involved in marketing products and services on a global scale. This module provides a comprehensive understanding of the challenges and opportunities inherent in global markets. It covers key topics such as cultural nuances impacting consumer behaviour, market entry strategies, global branding and the use of technology in global marketing efforts. Through case studies, discussions, and real-world applications, students will gain insights into crafting effective global marketing strategies and designing a country report that navigates diverse cultures and market dynamics.
33	INE721	Investment Economics/ <i>Kinh tế học đầu tư</i>	Investment Economics is an optional subject in the International Economics major. The course equips students with fundamental knowledge of investment, the ability to analyze markets and businesses, appraise business value, and make investment plans. The course content includes: (1) investment environment; (2) analyzing business operations; (3) business analysis and valuation; and (4) portfolio management and investment planning.
34	INE715	International Business Strategy/ <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>	International business strategy is a course in the specialized knowledge block of Economics/International Business. This course provides a system of theories and practices about the business strategies of multinational companies. This course offers basic knowledge about organizing, planning and implementing business strategies of international businesses, from the global level of the corporation to national units. Students are trained in the process of analyzing and evaluating the external environment and internal resources, building strategic directions to position value and markets, international production strategies, and ways to method of entering foreign markets.
35	INE722	Managerial Economics/ <i>Kinh tế học quản lý</i>	Managerial economics is an elective subject, belonging to a specialized knowledge block oriented towards practice and applied analysis. This course studies how to apply economic theories to management practice to analyze and make decisions, helping businesses achieve their goals in conditions of scarce resources. Specifically, the subject provides knowledge for business managers to analyze and forecast production, cost analysis, and forecasting. In addition, the course also analyzes business decision-making on output and selling price against competitors in the market.

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
			structures: perfect competition, monopoly, oligopoly, etc., and also supports supporting special strategies and tactics for businesses through game theory.
36	INE710	Applied Econometrics (for International Economics)/ <i>Kinh tế lượng ứng dụng (dành cho ngành KTQT)</i>	Applied econometrics is a subject belonging to the specialized knowledge block in the international economics curriculum. The course provides students with knowledge of econometric methods applied in research in the field of international economics, including: univariate time series models, vector autoregressive models (VAR), cointegration and error correction model, panel data regression model. The course is approached from an applied perspective, associated with the use of specialized econometric software including EViews, Stata, R. Lectures are designed to introduce specific models and techniques for estimating and forecasting. The practical exercises on real data sets are structured with lectures to ensure students can understand and practice.
37	INE730	Intermediate Microeconomics/ <i>Kinh tế vi mô 2</i>	This module is a continuation of Microeconomics, but emphasizes the application of economics theory. Theoretical issues about production and consumption that can be applied in economic decision making are an important content of the module. The module also shows that optimal efficiency can be achieved under conditions of general equilibrium in competitive markets and shows examples of market failures that form the basis for government regulatory measures. The module includes: the first part focuses on studying how to make rational decisions and modeling related market behaviour; compare the welfare in different market structures. The second part of the module will cover asymmetric information, game theory and its applications.
38	INE729	Intermediate Macroeconomics/ <i>Kinh tế vĩ mô 2</i>	Intermediate Macroeconomics is a subject that equips students with knowledge to analyze more deeply the macroeconomic policies of Vietnam as well as countries around the world. The main topics cover important macroeconomic models and policies. Current macroeconomic policy issues and debates in the world.
39	INE726	Trade Policy in Practice/ <i>Chính sách thương mại quốc tế</i>	The subject of International Trade Policy is a compulsory subject in the field of knowledge. The subject provides students with a system of basic knowledge on policy analysis and a system of tools of international trade policy (free trade agreements, tariffs, quotas, subsidies, dumping, administrative and technical measures). The subject focuses on analyzing specific international trade policies of developing countries, including Vietnam. In addition to theoretical analysis of policies and tools, practical situations in trade policy practice are also provided.
40	INE719	International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>	This course covers export and import operations. This module provides key topics such as choosing modes of transactions, negotiations and formation of a sales contract, stages to conduct a sales contract, procedures and documents in foreign trade. Through all these topics, students will get introduced to related subjects as international cargo transportation and insurance, international payments and international trade disputes.
41	INE717	International Logistics/	International Logistics is a subject designed to help students majoring in International Economics at Ho Chi Minh City University of Banking know from theoretical to practical basis on basic content of logistics and

TT	Mã HP	Tên HP	Mô tả
		<i>Logistics quốc tế</i>	operations of logistics that businesses are currently applying to optimize current resources at the lowest cost.
42	INE720	Transportation and Cargo Insurance / <i>Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương</i>	This module provides details about international cargo transportation and insurance which are essential in export and import operations. In the field of international cargo transportation, it covers key topics as carriage of goods by sea, by air, by road and rail, by container and multimodal transport. As for international cargo insurance, this module focuses on marine cargo insurance and also introduces air cargo insurance. For more details, students will obtain skills in calculating freight charges and insurance premium to bring benefits to enterprises. Students also inquire into contracts and documentation relating to the subject.
43	INE727	Thủ tục hải quan/ <i>Customs procedures</i>	The market research course aims to examine research methods and techniques applied to solve problems in the current or potential market. Through this course, students will understand how to identify research problems from the symptoms that businesses are facing, build research objectives based on the diagnosed problem, prepare a market research proposal, collect survey data, perform statistical analysis, and present a professional report. The course content also includes guiding students to use popular statistical software to assist in statistical processing to save time, effort, and increase the accuracy of calculation results, as well as help students become familiar with statistical work applied in real market research, which requires the use of statistical programs.
44	INT715	Internship on International Economics/ <i>Học phần thực tập cuối khóa</i>	The Final Internship is a compulsory component of the International Economics program. It provides students with the opportunity to apply disciplinary knowledge in a real-world professional setting, deepen their understanding of theoretical concepts, develop practical competencies, and contribute effectively to the host organization through assigned responsibilities and expected learning outcomes.
45	REP715	Dissertation in International Economics/ <i>Học phần khóa luận tốt nghiệp</i>	The undergraduate dissertation is a scholarly work that demonstrates the student's research competence in the field of International Economics or Digital Economics and Business. Under the guidance of an academic supervisor, the student applies disciplinary knowledge and appropriate research methodologies to examine a practical issue. The study aims to propose informed directions or solutions that contribute to addressing challenges observed in real-world contexts.

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến

Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

17.2. Học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh

Các học phần này là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.3. Các học phần kỹ năng mềm

Sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm bao gồm 8 tín chỉ. Nhà trường tổ chức chương trình với nhiều học phần kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp tương lai. Sinh viên không phải đóng học phí cho các học phần kỹ năng mềm. Các học phần kỹ năng mềm là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.4. Các học phần tiếng Anh tăng cường

Các học phần Tiếng Anh tăng cường từ cấp độ 1 đến 7 là bắt buộc, các học phần tiếng Anh tăng cường cấp độ 8 và 9 là tự chọn theo nguyện vọng của sinh viên. Bắt đầu mỗi khóa học và mỗi năm học, Trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên. Căn cứ vào kết quả kiểm tra hoặc các chứng chỉ tiếng Anh của sinh viên, Trường sẽ xác định các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên được miễn và các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên phải học.

17.5. Chuẩn trình độ Công nghệ thông tin

Chuẩn trình độ Công nghệ thông tin đầu vào và trong quá trình học: Thực hiện theo quy định về chuẩn Công nghệ thông tin trình độ đại học hiện hành của Nhà trường.

17.6. Chuẩn trình độ Ngoại ngữ

Chuẩn trình độ Ngoại ngữ đầu vào và trong quá trình học: Thực hiện theo quy định về chuẩn Ngoại ngữ trình độ đại học hiện hành của Nhà trường.

17.7. Nghiên cứu khoa học

Sinh viên phải được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên thuộc CTĐT tiếng Anh bán phần. Đây là một trong những điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp.

17.8. Các học phần tự chọn theo định hướng đào tạo

Sinh viên chọn các môn tự chọn theo 2 định hướng đào tạo. Khi đã chọn học phần tự chọn theo định hướng đào tạo nào thì các môn tự chọn tiếp theo cũng phải chọn theo cùng định hướng đó.

17.9. Tham quan, kiến tập, thực hành

Nhà trường tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong nước theo kế hoạch.



17.10. Đội ngũ giảng viên

Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao phải đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định của BGD&ĐT và quy định của Trường. Hàng năm Hiệu trưởng sẽ phê duyệt danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình tiếng Anh bán phần. Danh sách này sẽ được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học./.

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Trung

**KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
TRƯỞNG KHOA**

Hà Văn Dũng